TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN ĐƯỚC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HS-ST
Ngày: 14-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tạo;

2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2024/TLST-HS, ngày 29 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Trần Văn T, sinh năm: 1980 tại Long An.

Nơi cư trú và chỗ ở hiện tại: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Long An (Bị cáo có mặt).

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H (chết) và bà Trần Thị T1, sinh năm: 1945 (chết); Bị cáo có vợ tên Đổ Thị Thảo S và có 03 người con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/6/2017 bị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An xử phạt 10.000.000đ về hành vi "Tổ chức đánh bạc" (Chấp hành xong ngày 29/6/2017).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 08/01/2024 đến ngày 26/01/2024, hiện bị cáo đang được tại ngoại.

2. Họ tên: Nguyễn Hoàng Minh T2, sinh năm: 1995 tại Long An.

Nơi cư trú và chỗ ở hiện tại: Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1957 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1958; Bị cáo chưa có vợ, chưa có con.

Tiền án: Không.

Tiền sự:

- Ngày 20/8/2022, bị UBND xã L, huyện C áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" thời gian 03 tháng (Chấp hành xong ngày 21/11/2022).

- Ngày 17/4/2023, bị Công an huyện C, tỉnh Long An xử phạt vi phạm hành chính số tiền 4.000.000đ về hành vi "Hủy hoại tài sản của cá nhân" (Chấp hành xong ngày 23/9/2023).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/9/2023 đến nay.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An (Có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Phạm Văn H2, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An (Vắng mặt).

- Ông Lê Kim T3, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 01/6/2023, Trần Văn T điều khiển xe ôtô bán tải biển số 29C-862.70 chở Nguyễn Hoàng Minh T2 đến khu vực ấp T, xã L, huyện C để soi cua. Lúc này, T2 biết nhà bà Nguyễn Thị G gần chỗ soi cua có 02 cây bông giấy trồng trước sân nên rủ T trộm cắp vì T2 biết T đang kiếm bông giấy để tặng bạn, sau khi được rủ thì T đồng ý. Cả hai chạy xe lại sân nhà chị G, sau khi xuống xe, T2 dùng tay nhổ 02 cây bông giấy để lên xe ôtô cho T chở về. Sau đó, T mang 02 cây bông giấy trên tặng cho chị Đỗ Thị Mỹ L1 ở huyện C nhưng chị L1 không nhận nên T điện thoại cho ông Lê Kim T3 ở Khu phố C, thị trấn C bán 02 cây bông giấy trên với giá 8.000.000đ, số tiền mua bán cây này T trừ vào số tiền nợ ông T3. Sau đó, T đưa cho T2 5.000.000đ nói là tiền bán cây chia cho T2. Ngày 02/6/2023, bà Nguyễn Thị G phát hiện bị mất 02 cây bông giấy trên nên trình báo công an, qua làm việc T và T2 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tự nguyện đem 02 cây bông giấy đến nhà trả lại cho chị G.

Theo kết luận định giá số: 20/KL-HĐĐGTX, ngày 18/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh Long An thì 01 cây bông giấy Mỹ, hoành gốc 38cm, hoành đế 118cm, cao 1,1m và 01 cây bông giấy Mỹ, hoành gốc 36cm, hoành đế 75cm, cao 1m có tổng giá trị là 27.333.000đ.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tạm giữ: 01 cây bông giấy Mỹ, hoành gốc 38cm, hoành củ rễ 1,18cm, tán rộng 1,8m, dài 2m, cao 1,1m, không bầu đất và 01 cây bông giấy Mỹ, hoành gốc 36cm, hoành củ rễ 75cm, tán rộng 1,8m, dài 2,1m, cao 01m. Ngày 11/01/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản là 02 gốc cây bông giấy nêu trên cho bị hại Nguyễn Thị G.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Thị G đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin bãi nại cho cả 02 bị cáo.

Cáo trạng số 14/CT-VKSCĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước đã truy tố bị cáo Trần Văn T và bị cáo Nguyễn Hoàng Minh T2 về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Hoàng Minh T2 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, 38, 50, 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Minh T2 từ 09 đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 17, 50; 58; 65; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu nên không xem xét.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hoàng Minh T2 thừa nhận toàn bộ hành vi đúng như cáo trạng đã truy tố và đồng ý với các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước truy tố các bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội nên các bị cáo không tranh luận. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, trong đó bị cáo T2 còn xin được hưởng án treo.

Bị hại, bà Nguyễn Thị G, không yêu cầu bồi thường và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Hoàng Minh T2 khai nhận hành vi như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước đã truy tố. Lời

khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định vào khoảng 00 giờ 00 phút ngày 01/6/2023, các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Hoàng Minh T2 đã lén lút chiếm đoạt 02 cây bông giấy của bà Nguyễn Thị G trị giá 27.333.000đ.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà còn gây tâm lý hoang mang, lo lắng, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, ai xâm phạm đến sẽ bị pháp luật xử lý. Tuy nhiên do các bị cáo tham lam, lười lao động nên các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu để thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt. Các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi dân sự, vì vậy các bị cáo phải biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Hoàng Minh T2 phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

……"

[4] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả, trả lại tài sản cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị hại có đơn xin bãi nại cho các bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo.

[5] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng và xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Minh T2 từ 09 đến 12 tháng tù, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp.

[6] Vụ án có đồng phạm nhưng giữa các bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể, bàn bạc chưa chặt chẽ nên đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không mang tính tổ chức. Bị cáo T2 là người khởi xướng, xúi giục và trực tiếp thực hiện việc nhổ 02 cây bông giấy. Bị cáo T là người bị rủ rê, nhưng có vai trò giúp sức cho bị cáo T2 và mang các cây bông giấy đi bán. Do đó, áp dụng Điều 58 của Bộ luật hình sự quy định về phân hóa quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm thì các bị cáo phải chịu hình phạt bằng nhau.

[7] Bị cáo T có 02 tình tiết gảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không có tiền án, tiền sự. Tuy về nhân thân thì mặc dù vào năm 2017 có bị UBND huyện C, tỉnh Long An xử phạt 10.000.000đ về hành vi "Tổ chức đánh bạc" nhưng đã chấp hành xong vào ngày 29/6/2017. Tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo T đã chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính là 07 năm. Theo hướng dẫn điểm 2 khoản 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 được sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về tình tiết "*Người bị xử phạt tù có nhân thân tốt*" thì: *"Ngoài lần phạm tội này, người phạm tội chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, nơi làm việc. a) Đối với người đã bị kết án ....., người đã bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật mà tính đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật nếu xét thấy tính chất, mức độ của tội phạm mới được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng hoặc người phạm tội là đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án và có đủ các điều kiện khác thì cũng có thể cho hưởng án treo".* Căn cứ vào hướng dẫn này, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị phạt tù cho hưởng án treo của Viện kiểm sát đối với bị cáo T là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo, đề cao tính nghiêm minh của pháp luật và phòng ngừa chung.

[8] Bị cáo T2 xin được hưởng án treo nhưng bị cáo đang có 02 tiền sự là bị UBND xã L áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 21/11/2022 và đến ngày 17/4/2023, tiếp tục bị Công an huyện C xử phạt 4.000.000đ về hành vi hủy hoại tài sản của cá nhân (Đến ngày 23/9/2023 bị cáo T2 mới chấp hành

xong quyết định này, tức là đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo vẫn chưa chấp hành quyết định xử phạt hành chính). Do đó, bị cáo T2 không đủ điều kiện được hưởng án treo, cần cách ly bị cáo T2 khỏi xã hội một thời gian với mức hình phạt tương xứng mới có tác dụng giáo dục bị cáo, đề cao tính nghiêm minh của pháp luật và phòng ngừa chung.

[9] Đối với ông Lê Kim T3 là người mua 02 cây bông giấy của các bị cáo bán nhưng không biết đó là tài sản trộm cắp nên việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông T3 là đúng quy định.

[10] Đối với ông Phan Kim T4 cho bị cáo T mượn xe ôtô tải biển số 29C-862.70 làm phương tiện đi lại nhưng T lại dùng xe đi trộm cắp tài sản thì ông T4 không biết nên Cơ quan điều tra Công an huyện C không xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông T4 là đúng quy định.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng Minh T2 và Trần Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Minh T2 09 (Chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thành hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58, 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (14/3/2024).

Giao bị cáo Trần Văn T về Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An quản lý giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng

án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Hoàng Minh T2 mỗi bị cáo chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- VKSND huyện Cần Đước (01b);
- VKSND tỉnh Long An (01b);
- CQCSĐT Công an huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Các bị cáo (01b);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Quốc Dũng